

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

**CÔNG TY TNHH NN MTV
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG**
MST: 3300100201
Số: 03/KH-CTLNTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 6 năm 2016

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2015

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2015:

- Doanh thu thuần:	24.316,5 triệu đồng
- Giá vốn:	16.474,6 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	7.581,5 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	6.272,9 triệu đồng

2. Các chỉ tiêu tài chính năm 2015:

- Tổng tài sản:	36.541,4 triệu đồng
- Vốn điều lệ:	13.102,3 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu:	13.102,3 triệu đồng

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

Hoạt động	ĐVT	KH thực hiện
1. Khai thác nhựa thông	ha	417,8
2. Khai thác rừng trồng	ha	200,0
3. Trồng rừng	ha	340,0
4. Chăm sóc rừng trồng	ha	816,7
4.1. Chăm sóc năm 1	ha	206,8
4.2. Chăm sóc năm 2	ha	296,0
4.3. Chăm sóc năm 3	ha	174,0
4.4. Chăm sóc rừng trồng vụ xuân 2016	ha	139,9
5. Sản xuất kinh doanh cây giống keo lai hom	tr.cây	2,5
6. Sản xuất kinh doanh cây giống keo lai mô	tr.cây	1,0
7. QL BVR	ha	4.918,9

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.2.1. Kế hoạch doanh thu

Hoạt động	ĐVT	Doanh thu
1. Khai thác nhựa thông	đồng	3.420.000.000
2. Khai thác rừng trồng kinh tế	đồng	17.000.000.000
3. Sản xuất kinh doanh cây giống	đồng	3.580.000.000
4. Thu khác	đồng	1.500.000.000
Tổng cộng:	đồng	25.500.000.000



1.2.2. Lợi nhuận

Hoạt động	ĐVT	Lợi nhuận trước thuế
1. Khai thác nhựa thông	đồng	459.481.000
2. Khai thác rừng trồng kinh tế	đồng	6.938.220.000
3. Sản xuất kinh doanh cây giống	đồng	202.299.000
Tổng cộng:	đồng	7.600.000.000

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

Hoạt động	ĐVT	Dự toán
1. Trồng rừng	đồng	5.400.000.000
2. Chăm sóc rừng trồng	đồng	4.314.000.000
2.1. Chăm sóc năm 1	đồng	1.884.000.000
2.2. Chăm sóc năm 2	đồng	773.000.000
2.3. Chăm sóc năm 3	đồng	382.000.000
2.4. Chăm sóc rừng trồng vụ xuân 2016	đồng	1.275.000.000
3. Vườn ươm + Trạm biến áp 400KVA	đồng	1.500.000.000
Tổng cộng:	đồng	11.214.000.000

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính

- Tập trung vốn cho các dự án tạo ra sản phẩm chính: rừng trồng gỗ lớn, vườn ươm giống công nghệ cao...
- Huy động vốn với nhiều hình thức như vay vốn, huy động khác...
- Tiết kiệm chi phí, tính toán hiệu quả của từng công việc, dự án để điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh, đảm bảo hiệu quả tốt nhất.

2. Giải pháp về sản xuất

- Nắm bắt, tìm hiểu thị trường, tiếp thị sản phẩm nhằm có kế hoạch đẩy mạnh và phát triển các hoạt động cũng như phạm vi, lĩnh vực SXKD của đơn vị.
- Tiến hành đẩy mạnh và phát triển sản xuất nhằm chủ động hơn.

3. Giải pháp về thị trường

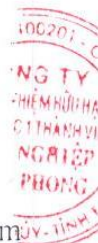
- Đa dạng hóa phương thức kinh doanh (bán sỉ, bán lẻ, hợp tác, liên kết...)
- Xây dựng chiến lược giá phù hợp và sức cạnh tranh hơn.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Huy động tối đa mọi nguồn lực của đơn vị, thu hút lao động địa phương, phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục sắp xếp tổ chức lại lao động, khắc phục tình trạng làm việc kém hiệu quả trong một số bộ phận CNVC-LĐ, đổi mới tư duy làm việc, phát huy tính năng động, sáng tạo của mọi người trong hoạt động. Phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng CBCNV-LĐ.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Không ngừng áp dụng các tiến bộ khoa học vào công tác sản xuất giống, tạo ra nguồn giống có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trồng rừng chất lượng cao của Công ty và thị trường.



- Cập nhật, bổ sung, vận hành nghiêm túc quy trình quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn “quản lý rừng bền vững quốc tế FSC”.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành

- Xây dựng và phát huy tốt vai trò lãnh chỉ đạo của chi bộ đảng, của tổ chức công đoàn trong việc quản lý, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của đơn vị.

- Phát động phong trào thi đua trong toàn đơn vị nhằm động viên, khích lệ CBCNV-LĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch SXKD năm 2016 của công ty.



GIÁM ĐỐC

Tôn Thất Ái Tín



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2076/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao một số chỉ tiêu chính về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2016 cho các Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thuộc UBND tỉnh

CÔNG TY TNHH NN 1TV LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG

ĐẾN Số: 273
Ngày: 10/09/2016

Chuyển: Căn cứ

Lưu hồ sơ số: Căn cứ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2243/STC-TCĐN ngày 23 tháng 8 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao một số chỉ tiêu chính về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2016 cho 07 Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thuộc UBND tỉnh tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ tịch kiêm Giám đốc các Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu đã được giao tại Điều 1 của Quyết định này.

Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định việc đánh giá, xếp loại doanh nghiệp năm 2016 đối với các Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thuộc UBND tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thuộc UBND tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh; CV: TC;
- Lưu: VT, DN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Cao



Phụ lục
CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2015
 (Kèm theo Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2016
 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Ghi chú
Công ty TNHH NN MTV Quản lý khai thác Công trình Thủy lợi Thừa Thiên Huế				
A	Chỉ tiêu sản lượng nội địa			
1	Sản lượng tiêu thụ, dịch vụ hoàn thành			
	- Diện tích tưới tiêu (đã quy đổi)	ha	20.649	
B	Chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	26.107	
2	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	740	
Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế				
A	Chỉ tiêu sản lượng nội địa			
1	Sản lượng nước thương phẩm	Triệu m ³	45	
B	Chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	436.000	
2	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	24.000	
Công ty TNHH NN MTV Xổ số kiến thiết Thừa thiên Huế				
A	Chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	208.336	
2	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	5.000	
Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa thiên Huế				
A	Chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	65.000	
2	Lợi nhuận thực hiện (Lỗ)	Triệu đồng	- 4.000	Do dự kiến tiếp tục chi trả chế độ thôi việc 4 tỷ đồng.

hvl

Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên Phong				
A	Chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	25.500	
2	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	7.600	
Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Phong Điền				
A	Chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	25.246	
2	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	6.091	
Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Nam Hoà				
A	Chỉ tiêu tài chính			
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	6.945	
2	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	860	

hali

✓